CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi

Ngày 30/06/2025	25,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.4%	**-1.2%**	**10.1%**

DT thuần
Q2/25
223
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 9.4%
YoY: ▼64.0| -22.2%

LN thuần
Q2/25
15.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.5| 284%
YoY: ▲ 3.00| 23.7%

LN sau thuế
Q2/25
12.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.26| 286%
YoY: ▲ 3.55| 39.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
9.1%
YoY: +/-▲ 4.9%

ROE (TTM)
Q2/25
24.0%
YoY: +/-▲ 3.5%

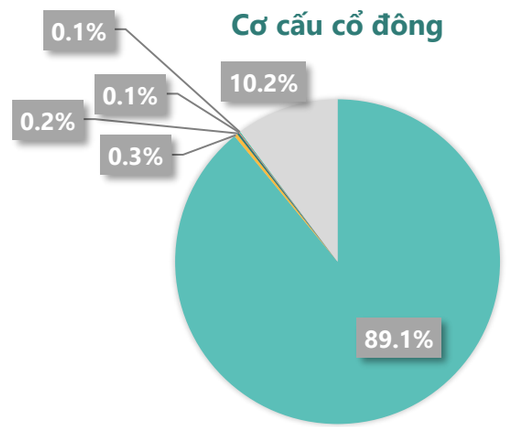
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	21,855 - 28,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	775
Số lượng CPLH (CP)	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	575
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.55
EPS	3,548
P/E	7.0

DT thuần
6T 2025
427
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.0| -7.6%

LN thuần
6T 2025
19.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.6| 181%

LN sau thuế
6T 2025
15.7
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.1| 336%

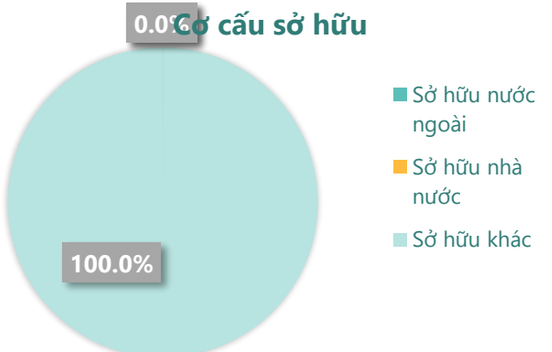
Cơ cấu cổ đông



- Tổng Công ty Licogi - CTCP
- Lã Quý Duẩn (Tổng giám đốc)
- Trần Văn Hải
- Nguyễn Đình Hóa
- Phạm Viết Long (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

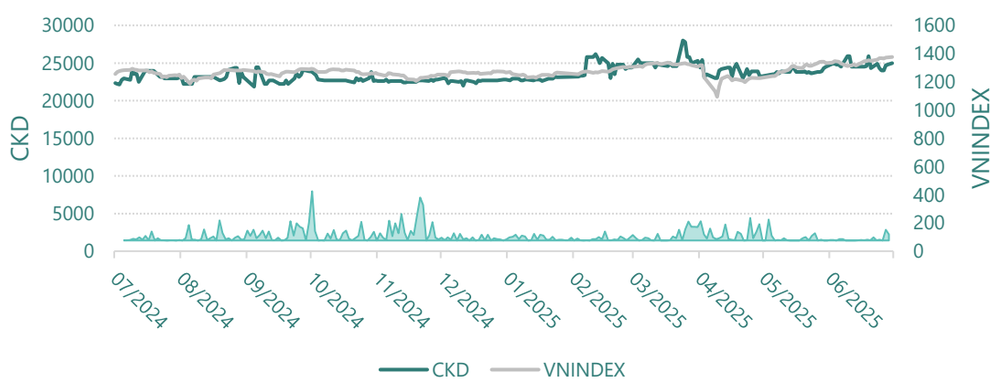
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



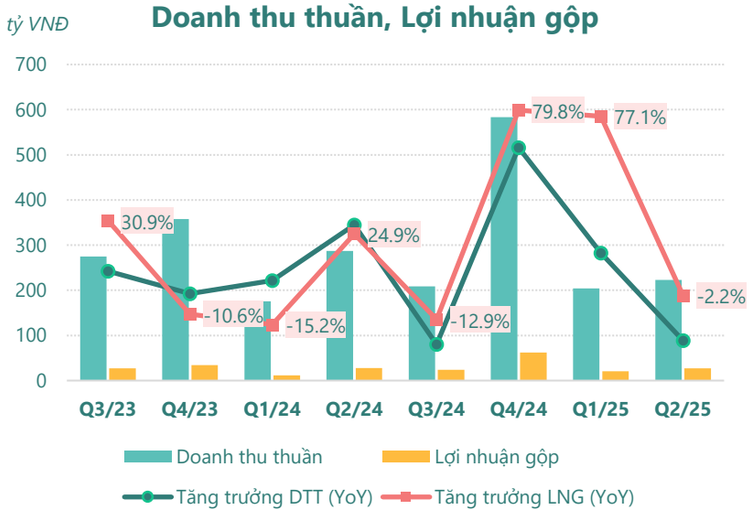
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



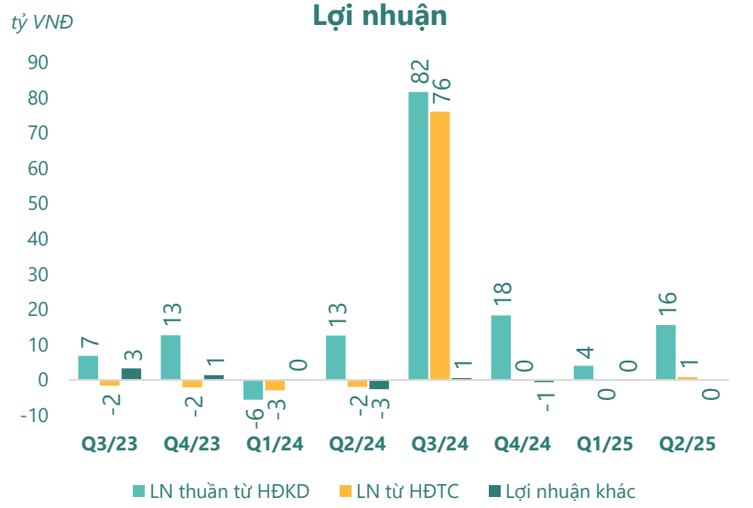
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



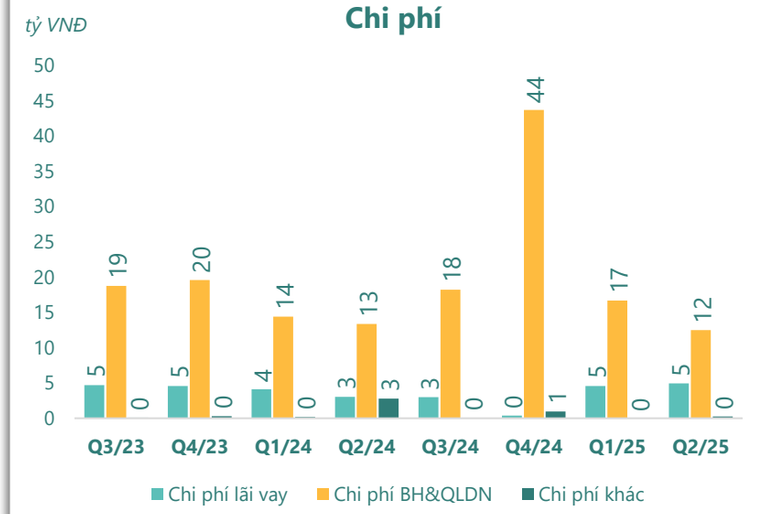
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



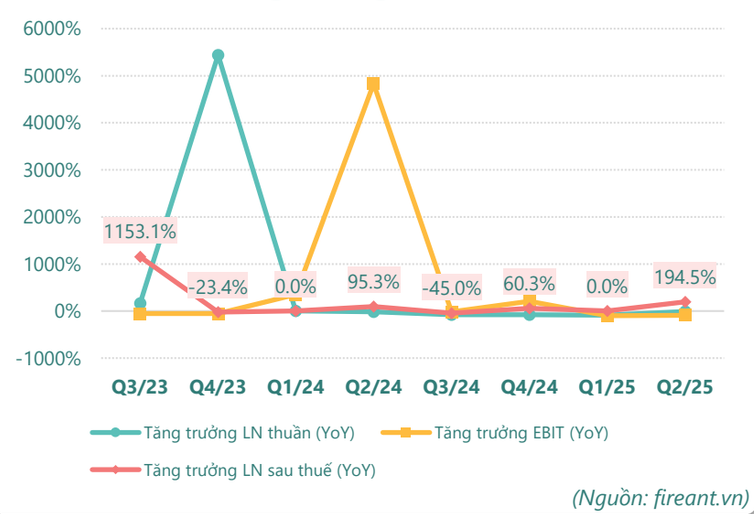
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



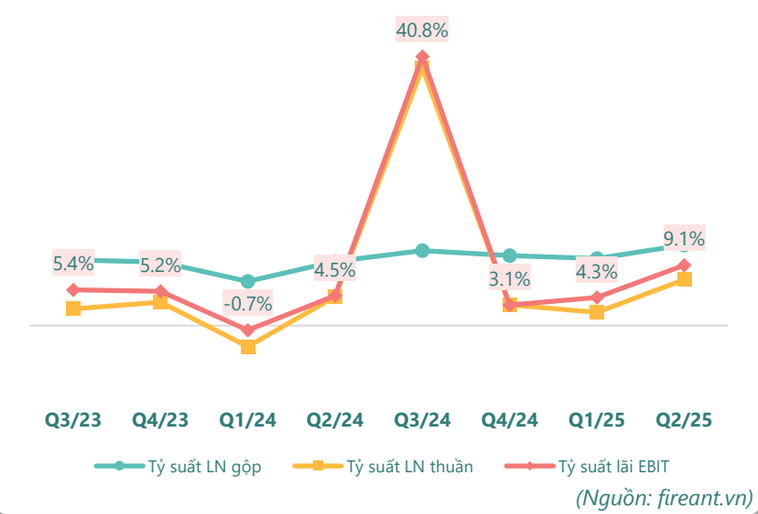
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

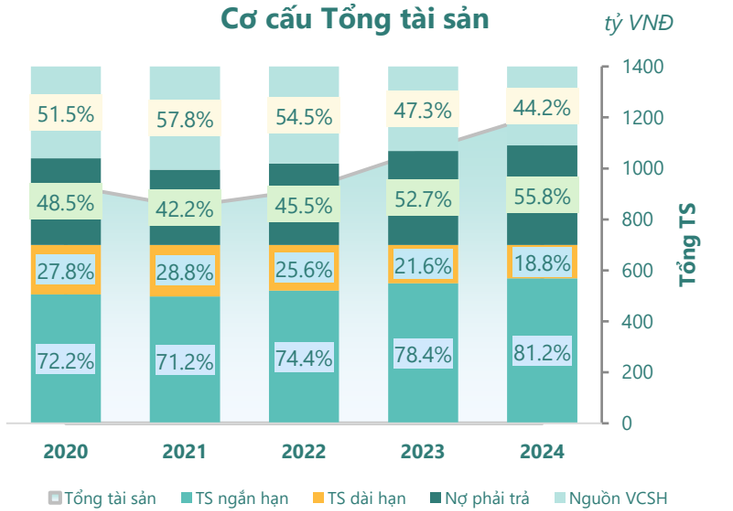
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

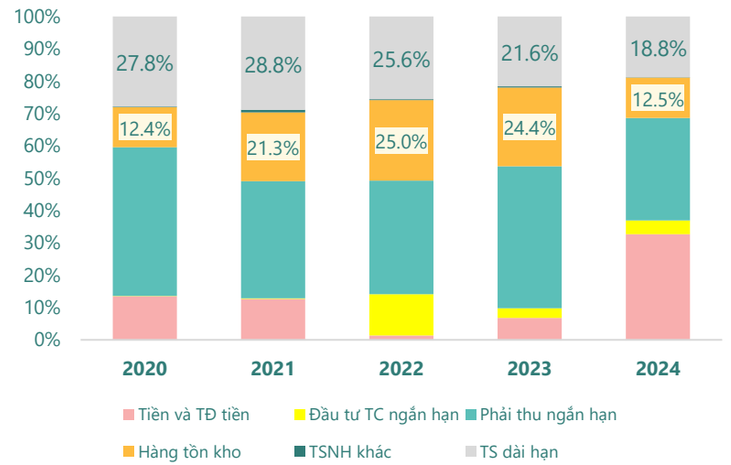
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



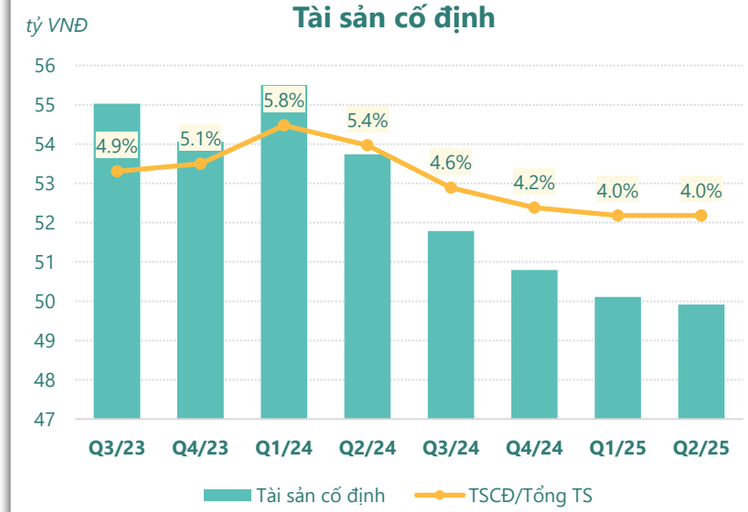
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



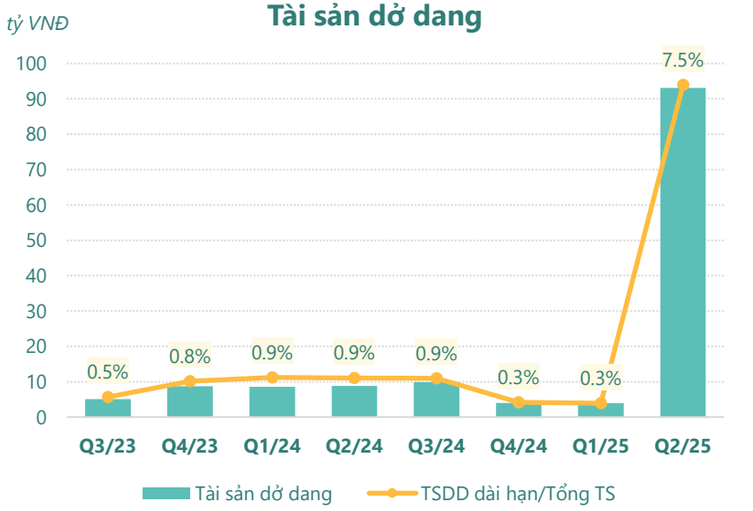
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



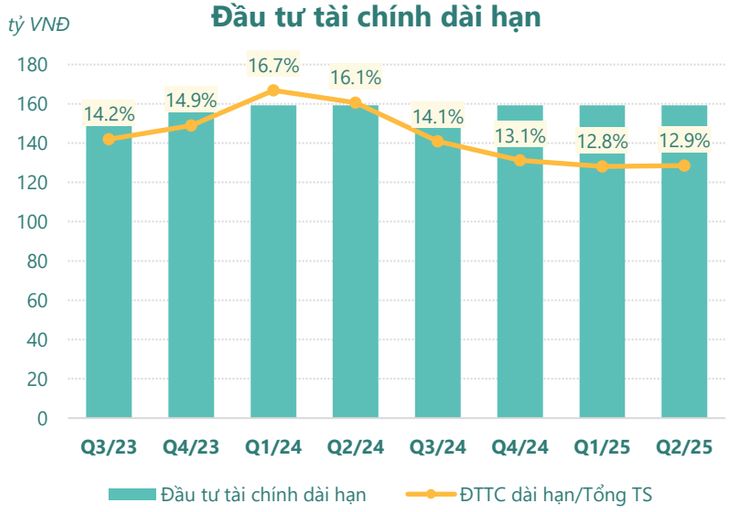
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



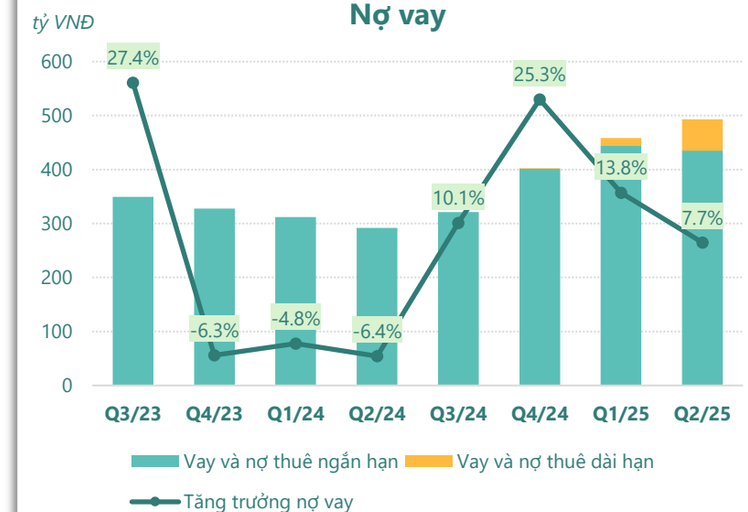
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

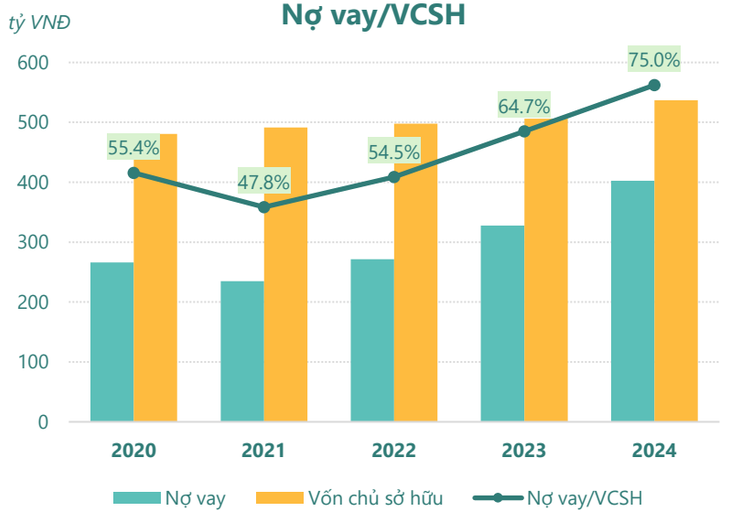
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

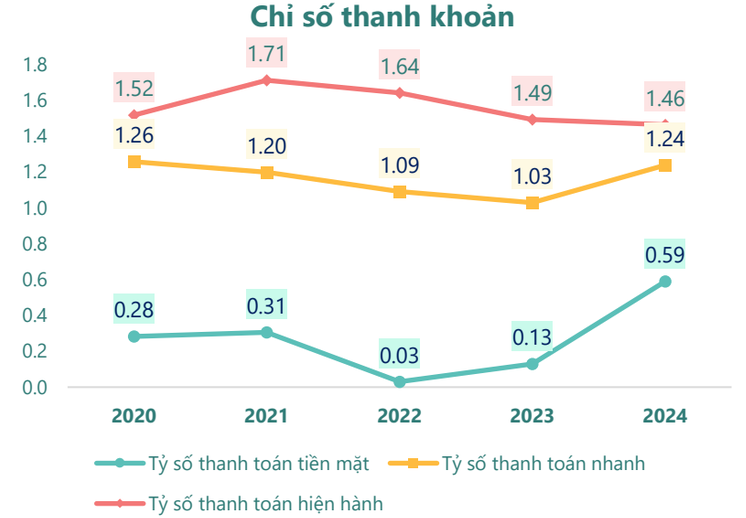
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



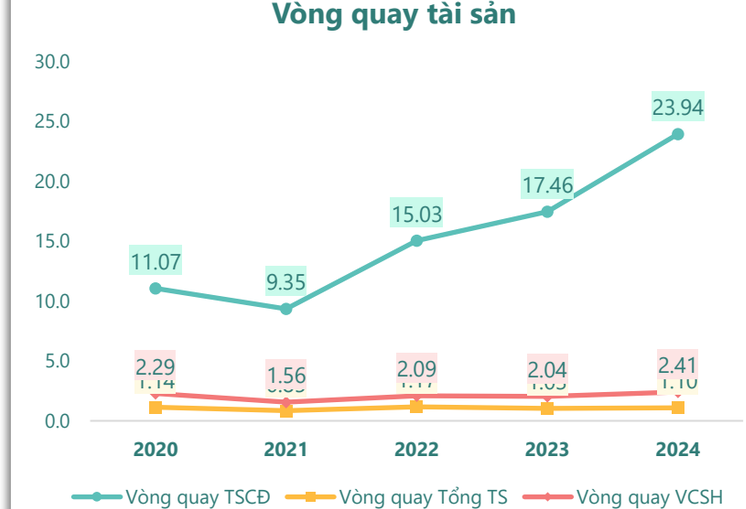
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



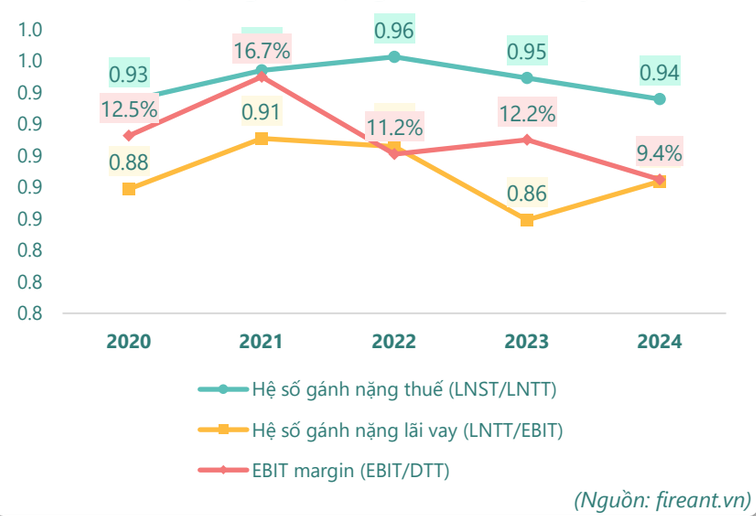
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



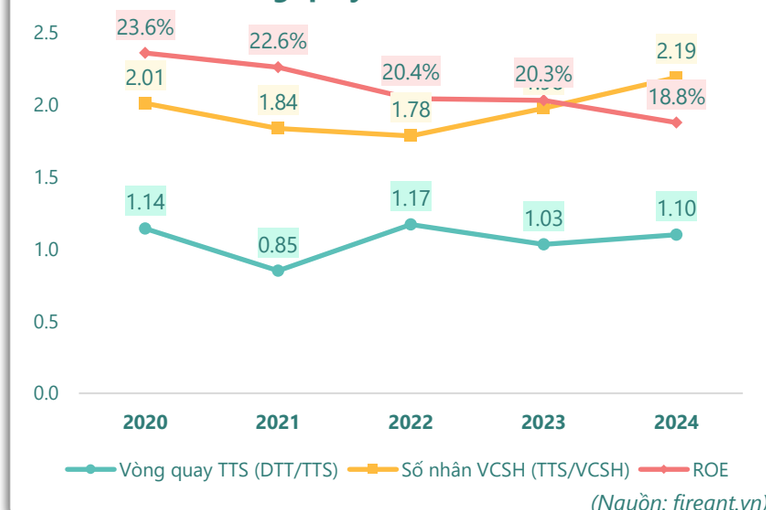
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



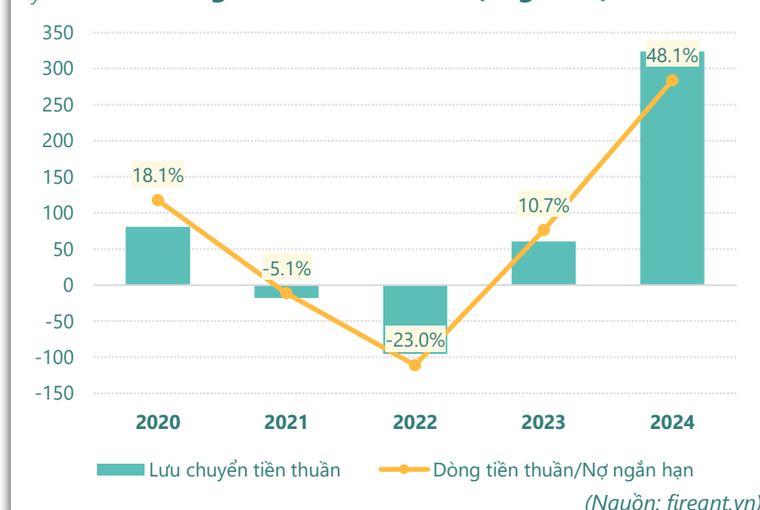
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**223**	**287**	**-22.2%**	**427**	**462**	**-7.6%**
Giá vốn hàng bán	196	259	-24.4%	379	423	-10.3%
Lợi nhuận gộp	27.3	27.9	-2.3%	48.1	39.6	21.3%
Doanh thu HĐTC	5.74	1.12	413%	10.3	2.33	341%
Chi phí TC	4.95	3.05	62.3%	9.53	7.17	33.0%
Chi phí lãi vay	4.95	3.05	62.3%	9.53	7.16	33.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.55	6.03	-24.6%	13.6	12.8	6.2%
Chi phí QLDN	**7.93**	**7.34**	**8.1%**	**15.6**	**15.0**	**3.7%**
LN thuần từ HĐKD	15.6	12.6	23.7%	19.6	6.99	181%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**-2.63**	**95.4%**	**-0.07**	**-2.37**	**96.9%**
LN trước thuế	15.5	9.95	55.4%	19.6	4.62	324%
Lợi nhuận sau thuế	**12.5**	**8.95**	**39.6%**	**15.7**	**3.61**	**336%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.5**	**8.95**	**39.6%**	**15.7**	**3.61**	**336%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	10.5	34.3	149	201	-61.3	21.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	33.5	-12.1	-47.6	-54.9	-21.5	-35.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-15.7	-19.9	29.4	16.4	55.6	35.1
Tiền đầu kỳ	72.9	101	103	234	397	370
Lưu chuyển tiền thuần	**28.2**	**2.33**	**131**	**163**	**-27.3**	**20.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.91
Tiền cuối kỳ	101	103	234	397	370	392

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,238**	**1,214**	**2.0%**
Tài sản ngắn hạn	924	986	-6.3%
Tiền và tương đương tiền	392	397	-1.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.30	51.3	-97.5%
Phải thu ngắn hạn	317	384	-17.6%
Hàng tồn kho	202	152	32.6%
Tài sản ngắn hạn khác	12.5	1.01	1141%
Tài sản dài hạn	**315**	**228**	**37.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	49.9	50.8	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	93.1	4.05	2199%
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**12.4**	**14.1**	**-12.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	763	677	12.7%
Nợ ngắn hạn	**702**	**674**	**4.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	435	402	8.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	78.2	165	-52.6%
Nợ dài hạn	61.4	3.57	1618%
Vay và nợ thuê dài hạn	58.2	0.88	6493%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**475**	**537**	**-11.5%**
Vốn chủ sở hữu	**475**	**537**	**-11.5%**
Vốn điều lệ	310	310	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)